

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2017/HSST
Ngày 21-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;

2. Ông Bùi Duy Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa: Ông Phan Tấn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Uyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2017/HSST ngày 30 tháng 10 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 184/2017/HSST- QĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Hoàng Văn C, sinh năm 1992, tại Yên Bái; nơi cư trú: Thôn NN2, xã ML, huyện LY, tỉnh M; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn H, sinh năm 1966 và bà Triệu Thị Đ, sinh năm 1968; bị cáo có vợ Nguyễn Thị V, sinh năm 1993, ly hôn năm 2014 theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 25/2014/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2014 của Toà án nhân dân huyện LY, tỉnh M và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 14/8/2017 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đỗ Thanh A là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương; có mặt.

Người bị hại: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1993; địa chỉ: Ấp 1, xã HN, thị xã AB, tỉnh Bình Dương; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn C và bà Nguyễn Thị V đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 25/2014/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2014 của Tòa án nhân dân huyện LY, tỉnh M. Sau khi ly hôn, bà V sử dụng tiền riêng của mình mua xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu xám biển số 21B1-406.25 với giá là 45.000.000 đồng để làm phương tiện đi làm. Cùng thời gian này, C quay trở lại sống như vợ chồng với bà V tại khu nhà trọ của ông Phạm Văn T thuộc ấp 1, xã HN, thị xã AB, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 18/10/2016, bà V bảo C điều khiển xe mô tô biển số 21B1-406.25 chở bà V đến Công ty TNHH KonLon thuộc phường UH, thị xã AB, tỉnh Bình Dương để làm việc, C đồng ý. Sau khi chở bà V đến Công ty TNHH KonLon, C điều khiển xe mô tô biển số 21B1-406.25 quay về phòng trọ. Tại đây, C nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển số 21B1-406.25 của V nên lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 21B1-406.25, bà V để trong giỏ xách treo trên tường và lấy hết quần áo, đồ dùng cá nhân của C cho vào một túi xách. C điều khiển xe mô tô biển số 21B1-406.25 rời khỏi phòng trọ đi đến tiệm mua bán xe máy cũ trên địa bàn thị xã AB, tỉnh Bình Dương gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân lai lịch), C bán xe mô tô 21B1-406.25 của bà V với giá 10.000.000 đồng. Sau khi bán xe xong, C thuê xe taxi đi đến sân bay Tân Sơn Nhất, Thành phố Hồ Chí Minh để mua vé máy bay về quê của C ở tỉnh M. Đến khoảng 22 giờ 00 phút cùng ngày, bà V tan ca ra về và gọi điện thoại cho C để đến đón nhưng không liên lạc được với C. Bà V nhờ bạn làm chung điều khiển xe máy chở V về phòng trọ, khi về đến phòng trọ không nhìn thấy C và đồ dùng cá nhân của C nên bà V nghi ngờ C đã chiếm đoạt xe 21B1-406.25 của mình. Đến ngày 20/10/2016, bà V đến Công an xã HN trình báo vụ việc. Công an xã HN tiến hành lập hồ sơ ban đầu, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã AB để thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 121/KLTS-TTHS ngày 08/11/2016 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thị xã AB xác định: Xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu xám, biển số 21B1-406.25, đã qua sử dụng, tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá là 33.700.000 đồng.

Ngày 03/11/2016 và ngày 16/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã AB đã tiến hành xác minh tại nơi tạm trú của bị cáo Hoàng Văn C nhưng không xác định được bị cáo C đang ở đâu. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã AB ra Quyết định ủy thác điều tra cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện LY, tỉnh M xác minh nơi cư trú của C, kết quả không xác định được C hiện tại đang ở đâu.

Ngày 17/4/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã AB ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can và Quyết định truy nã đối với bị cáo Hoàng Văn C. Ngày 14/8/2017, bị cáo Hoàng Văn C đến đầu thú tại Phòng Cảnh sát truy nã tội phạm Công an tỉnh M. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã AB đã ra Quyết định đình nã, đồng thời ra Quyết định phục hồi

điều tra vụ án, Quyết định phục hồi điều tra bị cáo đối với Hoàng Văn C và áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay.

Xe mô tô hiệu Honda Airblade, màu xám, biển số 21B1-406.25, số máy: JF46E7075747, số khung: RLHJF4618EZ447687 do bà Nguyễn Thị V đứng tên đăng ký xe. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã AB đã ra thông báo truy tìm vật chứng nhưng đến nay vẫn chưa tìm được.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị V yêu cầu Hoàng Văn C bồi thường số tiền 33.700.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 153/QĐ - KSĐT ngày 30/10/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Hoàng Văn C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh như cáo trạng và xác định sau khi phạm tội bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự thú, bị cáo là người dân tộc Tày và là lao động chính trong gia đình nên đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình áp dụng Khoản 1 Điều 140, Điểm h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Văn Chiến mức hình phạt từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 33.700.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Không có.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn C khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố đối với bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự, bị cáo đồng ý bồi thường cho người bị hại số tiền 33.700.000 đồng.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Về tội danh thống nhất theo tội danh mà Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Ngoài những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà đại diện Viện Kiểm sát đã đề nghị áp dụng đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm k và o khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự vì bị cáo là người dân tộc Tày nhận thức pháp luật hạn chế nên được xem là phạm tội do lạc hậu và sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã tự thú. Bị cáo và người bị hại có những mâu thuẫn trong cuộc sống chung, bị cáo chiếm đoạt tài của người bị hại là nhất thời, bị cáo sau khi ly hôn, phải nuôi con nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt cho bị cáo bằng với thời hạn tạm giam để bị cáo có điều kiện lo cho gia đình, con nhỏ và lao động kiếm tiền để bồi thường thiệt hại cho người bị hại.

Người bị hại bà Nguyễn Thị V vẫn giữ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 33.700.000 đồng. Về phần trách nhiệm hình sự, bà Văn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét mức hình phạt phù hợp cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Hoàng Văn C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo đã khai báo trước cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo trước sau đều thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận: Ngày 18/10/2016, bị cáo Hoàng Văn C lợi dụng sự tin tưởng của bà Nguyễn Thị V giao xe mô tô biển số 21B1-406.25, có trị giá 33.700.000 đồng, sau đó bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của bà V nên mang xe đi bán để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây tâm lý nghi ngờ, mất lòng tin trong nhân dân, ảnh hưởng đến trật tự xã hội tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi lợi dụng sự tin tưởng của người khác để họ giao tài sản cho mình rồi nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự và sẽ bị trừng trị, nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên bị cáo đã cố ý thực hiện và mong muốn chiếm đoạt bằng được tài sản. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đầu thú, bị cáo là người dân tộc Tày nên nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự khi quyết định hình phạt.

Đề nghị của người bào chữa cho bị cáo áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm k và o Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự là không có căn cứ

chấp nhận vì bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật không thuộc những trường hợp được xem là phạm tội do lạc hậu và bị cáo sau khi phạm tội, bị cáo bị truy nã và đầu thú không phải tự thú.

[4] Mức hình phạt mà Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, hành vi tội phạm mà bị cáo đã thực hiện.

[5] Đề nghị của người bào chữa xử phạt bị cáo mức hình phạt bằng thời hạn tạm giam là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại bà Nguyễn Thị V yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 33.700.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Không có.

[8] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phạm tội và bị kết án, bị cáo phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn C phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 140; Điểm h, p Khoản 1 và Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/8/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Hoàng Văn C bồi thường cho bà Nguyễn Thị V số tiền 33.700.000 (ba mươi ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Không có.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hoàng Văn C phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.685.000 (một triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Công an thị xã Tân Uyên;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết